

Bản án số: **31/2021/HNGĐ-PT**

Ngày: 12-01-2021

Về việc tranh chấp về cấp dưỡng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Bích Loan.

Bà Đoàn Thị Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Tào Minh Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 125/2020/TLPT-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp về cấp dưỡng”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình số 756/2020/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Q (nay là Tòa án nhân dân thành phố Q), Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5894/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 11 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa Số X7002/2020/QĐPT-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Long H, sinh năm 1977; nơi cư trú: Số X đường D, khu phố K, phường P, Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Số X1 đường D1, Khu phố K1, phường P1, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Cao Văn D, sinh năm 1974; nơi cư trú: Số X2 Tỉnh lộ T, Khu phố K2, phường P2, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Long H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Nguyễn Thị Long H và ông Cao Văn D tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số X3 do Ủy ban nhân dân Phường P3, Quận Q3, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 12 năm 2002 và đã thuận tình ly hôn theo Quyết định số 1373/2017/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. Giữa bà H và ông D có 02 con chung là trẻ Cao Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2003, giới tính: Nam và Cao Ngọc Bảo C, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2011, giới tính: Nữ; các bên thỏa thuận bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, bà H khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Q yêu cầu ông D cấp dưỡng mỗi con mỗi tháng số tiền 5.000.000 đồng, thực hiện cấp dưỡng từ tháng 5 năm 2020 đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi, cấp dưỡng 01 lần tổng cộng là 610.000.000 đồng ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Cao Văn D chỉ đồng ý cấp dưỡng mỗi con mỗi tháng 3.000.000 đồng từ khi Tòa án xét xử vụ án đến khi các con học xong đại học do hiện tại ông đang làm việc tại Chi nhánh Công ty C, mức thu nhập mỗi tháng là 12.440.000 đồng nên ông không có đủ khả năng về kinh tế để cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng mà bà H yêu cầu.

[2] Tại Bản án hôn nhân và gia đình số 756/2020/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 8 năm 2020, Tòa án nhân dân quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Cao Văn D cấp dưỡng nuôi 02 con chung là các trẻ Cao Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2003 và Cao Ngọc Bảo C, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2011 mỗi tháng 6.000.000 đồng (mỗi người con 3.000.000 đồng/tháng), bắt đầu thực hiện từ khi án có hiệu lực đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24 tháng 8 năm 2020, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Long H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên kháng cáo yêu cầu Tòa án buộc ông Cao Văn D cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi con mỗi tháng 5.000.000 đồng, cấp dưỡng một lần với số tiền tổng cộng là 610.000.000 đồng. Nguyên đơn cho rằng ngoài khoản tiền lương hàng tháng mà bị đơn ông Cao Văn D trình bày thì ông D còn

có thu nhập từ việc cho thuê phòng trọ tại địa chỉ Số X4 đường D3, phường P4, Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh, 11 phòng x 2.000.000 đồng/tháng/phòng nên hoàn toàn có khả năng cấp dưỡng mỗi con 5.000.000 đồng/tháng theo nhu cầu thực tế của các con về chi phí sinh hoạt, học tập, khám chữa bệnh. Bà yêu cầu ông D cấp dưỡng một lần do sau khi ly hôn, ông D không thực hiện theo đúng cam kết giữa hai người về việc nguồn thu từ cho thuê căn nhà là tài sản chung bà sử dụng để chăm lo cho các con chung. Hiện tại, căn nhà đã được phân chia nên nguồn thu nhập từ việc cho thuê đã không còn. Ông D không thể hiện bản thân là người cha có trách nhiệm, thường xuyên có những hành động làm ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của bà và các con chung. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của các con, để đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục các con chung được thuận lợi và bà không phải một lần nữa nhờ đến Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con giữa bà và ông D, mong Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà, buộc ông D cấp dưỡng nuôi 02 con chung một lần với số tiền tổng cộng là 610.000.000 đồng ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Cao Văn D không đồng ý với toàn bộ yêu cầu kháng cáo và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Long H do ông chỉ có khoản thu nhập hàng tháng là lương từ 10.000.000 đồng đến 11.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận phân chia tài sản chung với bà H, ông sử dụng số tiền được chia và vay tiền mua dãy nhà trọ cho thuê nhưng chỉ với 1.200.000 đồng/tháng/phòng, khoản thu nhập này ông sử dụng để chi tiêu cho cuộc sống hằng ngày và trả nợ ngân hàng. Do đó, mức cấp dưỡng mỗi con mỗi tháng 3.000.000 đồng theo ông là đã phù hợp với thu nhập thực tế của ông và đáp ứng nhu cầu thiết yếu của các con chung. Ông đồng ý cấp dưỡng cho các con chung hàng tháng từ khi Tòa án xét xử vụ án đến khi các con chung lần lượt học xong đại học vì ông không có khả năng cấp dưỡng một lần. Trường hợp bà H không đồng ý với mức cấp dưỡng này, ông yêu cầu mỗi người nuôi 01 con chung để không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm có nêu: Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử, các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đề xuất đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định và chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trên cơ sở đã xem xét đến nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng và thu nhập, khả năng về tài chính của người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Về hình thức cấp dưỡng, do các bên không thỏa thuận được phương thức cấp dưỡng một lần, do đó Tòa án tuyên buộc bị đơn cấp dưỡng hàng tháng là đúng theo quy định của pháp luật.

Yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc tăng mức cấp dưỡng, thay đổi hình thức cấp dưỡng là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

I. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Long H làm trong thời hạn luật định, phù hợp với các quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

II. Về nội dung: Xem xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Theo quy định tại các điều 71, 107 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên; nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện giữa cha, mẹ và con, cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con. Bà Nguyễn Thị Long H và ông Cao Văn D kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số X3 do Ủy ban nhân dân Phường P3, Quận Q3, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 12 năm 2002 và thuận tình ly hôn theo Quyết định số 1373/2017/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. Giữa bà H và ông D có 02 con chung là trẻ Cao Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2003, giới tính: Nam và Cao Ngọc Bảo C, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2011, giới tính: Nữ, các bên thỏa thuận bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Do đó, ông Cao Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, đóng góp cùng bà H để chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung.

[2] Theo quy định tại Khoản 24 Điều 3 của Luật Hôn nhân và gia đình, cấp dưỡng là việc một người có nghĩa vụ đóng góp tiền hoặc tài sản khác để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người không sống chung với mình; mặc dù pháp luật không quy định cụ thể nhưng có thể hiểu nhu cầu thiết yếu của con người gồm ăn uống, học tập và sinh hoạt. Mức cấp dưỡng được xác định căn cứ vào nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng nhưng cũng phải phù hợp với mức thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Trong vụ án này, nguyên đơn đưa ra yêu cầu và cung cấp thông tin về các khoản chi phí hàng tháng cho các con chung ngoài học phí, tiền ăn, chi phí sinh hoạt còn có học phí các lớp học thêm tại trung tâm và gia sư tại nhà, tổng chi phí cho cả 02 con mỗi tháng khoảng 30.000.000 đồng. Mặc dù các khoản chi phí mà bà H nêu

ra đều là phí tổn nuôi con nhưng mức cấp dưỡng Hội đồng xét xử chỉ xem xét dựa trên các nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng.

Người có nghĩa vụ cấp dưỡng là ông Cao Văn D có thu nhập hàng tháng ổn định là 12.440.000 đồng. Ngoài ra, bà H cung cấp thông tin và ông D cũng thừa nhận việc sau khi phân chia tài sản chung, ông D sử dụng tiền để tạo thêm được nguồn thu nhập là tiền cho thuê phòng trọ hàng tháng. Ngoài tiền cấp dưỡng, nguồn thu nhập của người có nghĩa vụ cấp dưỡng trước tiên cũng phải nhằm đáp ứng nhu cầu của chính người đó.

Tham khảo quy định của pháp luật về mức lương tối thiểu vùng trên địa bàn các quận của Thành phố Hồ Chí Minh năm 2020 là 4.420.000 đồng; mặc dù mỗi công việc tạo mức thu nhập khác nhau nhưng quy định này có thể xem là mức thu nhập tối thiểu đủ để đáp ứng nhu cầu chi tiêu hàng tháng của người lao động phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của từng khu vực.

Trong vụ án này, nguyên đơn yêu cầu mức cấp dưỡng đối với mỗi con chung hàng tháng số tiền 5.000.000 đồng nhưng bị đơn chỉ đồng ý cấp dưỡng mức 3.000.000 đồng. Đối chiếu quy định của pháp luật và với những nhận định nêu trên, mức cấp dưỡng mà phía bị đơn đưa ra và được Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận là đã phù hợp với hoàn cảnh sống hiện tại của các con chung, phù hợp với nhu cầu thiết yếu của các con và mức thu nhập, điều kiện thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

[3] Về phương thức cấp dưỡng: Theo quy định tại Điều 54 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, nay là Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, việc cấp dưỡng có thể được thực hiện định kỳ hàng tháng, hàng quý, nửa năm, hàng năm hoặc một lần. Các bên có thể thỏa thuận phương thức cấp dưỡng, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết. Áp dụng nội dung hướng dẫn quy định này tại Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23 tháng 12 năm 2000, các bên không thỏa thuận được phương thức cấp dưỡng thì Tòa án quyết định phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng. Do đó, yêu cầu cấp dưỡng một lần của nguyên đơn là không có cơ sở để xem xét chấp nhận. Cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[4] Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nhưng người kháng cáo là nguyên đơn khởi kiện yêu cầu cấp dưỡng cho người chưa thành niên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí nên bà H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 148, Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

I. Chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Long H vì làm trong thời hạn luật định.

II. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên quyết định của Bản án hôn nhân và gia đình số 756/2020/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Q (nay là Tòa án nhân dân thành phố Q), Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Long H: Buộc ông Cao Văn D cấp dưỡng số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng mỗi tháng cho mỗi con chung là trẻ Cao Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2003, giới tính: Nam và Cao Ngọc Bảo C, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2011, giới tính: Nữ, bắt đầu thực hiện từ tháng 9 năm 2020 đến khi các con chung lần lượt tròn 18 tuổi hoặc khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và khi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi; việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận. Các bên có thể thỏa thuận thay đổi phương thức cấp dưỡng, tạm ngừng cấp dưỡng trong trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng lâm vào tình trạng khó khăn về kinh tế mà không có khả năng thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

III. Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Long H được miễn nộp tiền án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- TAND thành phố Q, Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- Chi cục THADS thành phố Q, Tp. HCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu. (TC: 17b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tuấn